

Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, Khu Phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (0650) 3822.602

Fax: (0650) 3823.922

Email: bimico@binhduong.com.vn

Website: www.bimico.com.vn





Công ty cổ phần

Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2014



**THÔNGIỆP CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương;

Năm 2014, tình hình kinh tế Việt Nam tuy vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn nhưng đã phần nào bước vào giai đoạn phục hồi. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013; dự đoán mục tiêu tăng trưởng 6,2% trong năm 2015 là hoàn toàn khả thi. Hai lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Bimico là ngành khai khoáng và xây dựng đều đạt được những kết quả khả quan. Lĩnh vực khai khoáng trong năm 2014 chứng kiến bước chuyển mình mạnh mẽ của các công ty vừa và nhỏ trong đó có Bimico. Bất động sản phần nào ổn định, thúc đẩy xây dựng phát triển 7% so với cùng kỳ năm trước.

Nắm bắt những cơ hội đó, trong năm Ban Tổng giám đốc đã phối hợp cùng tập thể Cán bộ công nhân viên Công ty, nỗ lực không ngừng để đạt được những kết quả như sau: Doanh thu đạt 637 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2013 và vượt 10% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 96,7 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, những kết quả đạt được đã đáp ứng được kỳ vọng của Đại hội đồng cổ đông, tạo được động lực để tập thể Bimico tiếp tục đồng lòng phấn đấu phát triển Công ty trên mọi phương diện.

Dự báo tình hình kinh tế năm 2015 vẫn ở giai đoạn phát triển chậm và kém ổn định, Ban Tổng giám đốc phối hợp với Hội đồng quản trị xây dựng phương hướng hoạt động cho Công ty nhằm giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận. Kế hoạch doanh thu năm 2015 đạt 675 tỷ đồng, trong đó ngành khai thác và chế biến khoáng sản vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế ước đạt lần lượt 132 tỷ đồng và 102 tỷ đồng. Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2015, Bimico tiếp tục duy trì các thị trường truyền thống, nhằm tận dụng tối đa những lợi thế hiện có, đồng thời mở rộng và phát triển thêm cái thị trường mới tiềm năng. Ban lãnh đạo Công ty cũng xem trọng việc hoàn thiện hóa công tác quản lý điều hành nhằm tạo nền tảng vững chắc cho công tác hoạch định phương hướng hoạt động của Doanh nghiệp.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông và Quý khách hàng đã tin tưởng chúng tôi trong suốt thời gian qua. Bimico tin rằng, với kinh nghiệm nhiều năm và những lợi thế sẵn có, Công ty có thể xây dựng được những giải pháp cụ thể nhằm mang lại những lợi ích cao nhất cho Quý cổ đông, Quý khách hàng cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên trong năm 2015 và những năm sắp tới.

Kính chúc Quý cổ đông, Quý khách hàng và tập thể Cán bộ công nhân viên Bimico nhiều sức khỏe và thịnh vượng.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Thông tin cổ đông


BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển năm 2015



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của

HDQT, BDH và BKS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KIỂM TOÁN 2014

Ý kiến của Cơ quan kiểm toán

Báo cáo tài chính và

Thuyết minh Báo cáo tài chính

An architectural floor plan is shown with a yellow measuring tape and a silver stapler. The drawing includes labels for 'OFFICE', 'LIVING ROOM', 'MFC. UNIT TCBD 1145 OR EQUAL', and 'FP'. Dimensions like '2'-10"', '4"', '5"', and '13'' are visible. The measuring tape is yellow with black markings and is placed diagonally across the drawing. The stapler is silver and is partially visible at the bottom right.

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Tên tiếng Anh : BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : BIMICO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 4603000226 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 27/04/2006 và được thay đổi lần 10 ngày 26/01/2015

Mã số doanh nghiệp : 3700148825

Vốn điều lệ : 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng)

Địa chỉ trụ sở chính : Đại lộ Bình Dương, Khu Phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số điện thoại : (0650) 3822.602

Fax : (0650) 3823.922

Email : bimico@binhduong.com.vn

Website : www.bimico.com.vn

Mã cổ phiếu : KSB

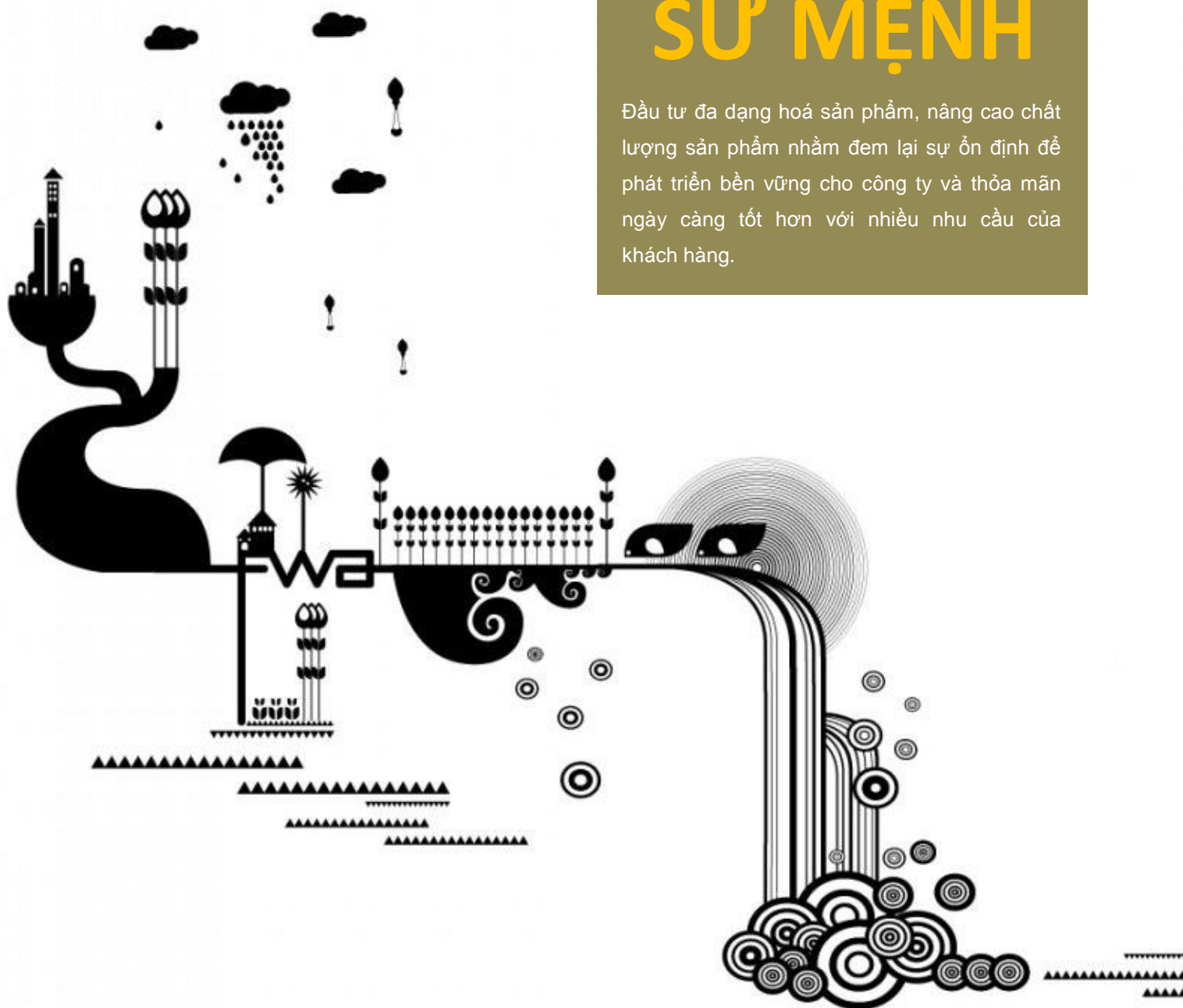
TẦM NHÌN

Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương phấn đấu để trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực Khai thác Khoáng sản.



SỨ MỆNH

Đầu tư đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đem lại sự ổn định để phát triển bền vững cho công ty và thỏa mãn ngày càng tốt hơn với nhiều nhu cầu của khách hàng.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- 1993** • Thành lập ngày 13 / 01 / 1993 theo quyết định số 62/QĐUB của UBND tỉnh Sông Bé nay là tỉnh Bình Dương, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước.
- 2006** • Tháng 5/2006, Công ty được cổ phần hóa với vốn điều lệ là 70 tỷ đồng, với 51% được Nhà nước nắm giữ.
- 2007** • Năm 2007, đăng ký Công ty đại chúng.
- 2010** • Tháng 1/2010, Công ty tăng vốn điều lệ lần thứ nhất lên 107 tỷ đồng, niêm yết cổ phiếu tại HOSE với mã chứng khoán KSB, vốn nhà nước 50,5%.
- 2012** • Ngày 9/3/2012, Công ty tăng vốn điều lệ lần hai lên 180 tỷ đồng, vốn nhà nước 50,5%.

Các thành tích tiêu biểu đạt được



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề kinh doanh

- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, các loại thép hình.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh doanh bất động sản (khu công nghiệp, khu dân cư)
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngành khai thác mỏ (phi kim loại) điện cơ mỏ, đường giao thông.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai.
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, các dịch vụ: cho thuê nhà xưởng, nhà ở, xử lý nước thải và các dịch vụ khác.
- Cung cấp dịch vụ ăn uống phục vụ hội nghị, nhà hàng tiệc cưới, thể thao (sân bóng mini),...



Địa bàn kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty ở tỉnh Bình Dương. Hoạt động khai thác tại các huyện Dầu Tiếng, Tân Uyên, Phú Giáo, thị xã Thuận An, Dĩ An.

Giới thiệu các nhà máy xí nghiệp

1. Xí nghiệp khai thác và chế biến đá Tân Đông Hiệp

Địa chỉ: Phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

2. Ban quản lý Cùm mỏ đá Tân Đông Hiệp

Địa chỉ: Phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

3. Xí nghiệp khai thác và chế biến đá Phước Vĩnh

Địa chỉ: Thửa đất số 305, TĐĐ số 57, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

4. Xí nghiệp khai thác và chế biến đá Tân Mỹ

Địa chỉ: Thửa đất số 972, TĐĐ số 58, ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

5. Xí nghiệp khai thác và chế biến cao lanh Tân Thành

Địa chỉ: Thửa đất số 67 và 303, TĐĐ số 37 và 38, ấp Suối Sâu, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

6. Xí nghiệp khai thác và chế biến cao lanh Minh Long

Địa chỉ: Ấp 1, xã Minh Long, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

7. Xí nghiệp khai thác cát Dầu Tiếng

Địa chỉ: Thửa đất 159, TĐĐ 38, ấp Đồng Sến, xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

8. Đội Vận Tải

Địa chỉ: xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

9. Xí nghiệp sản xuất bê tông đúc sẵn

Địa chỉ: xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

10. Nhà máy gạch Bình Phú

Địa chỉ: Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

11. Xí nghiệp Xây Dựng

Địa chỉ: phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

12. Xí nghiệp đầu tư phát triển khu công nghiệp Đất Cuốc

Địa chỉ: xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

13. Ban Quản Lý Khu Dân Cư Bình Đức Tiến

Địa chỉ: đường Phan Thanh Giản, tổ 25, khu phố Bình Đức 1, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

14. Xí nghiệp sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai

Địa chỉ: phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

15. Ban quản lý cùm mỏ đá Tân Mỹ

Địa chỉ: xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

16. Trung tâm hội nghị - tiệc cưới Thanh Bình KSB

Địa chỉ: 5/999 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

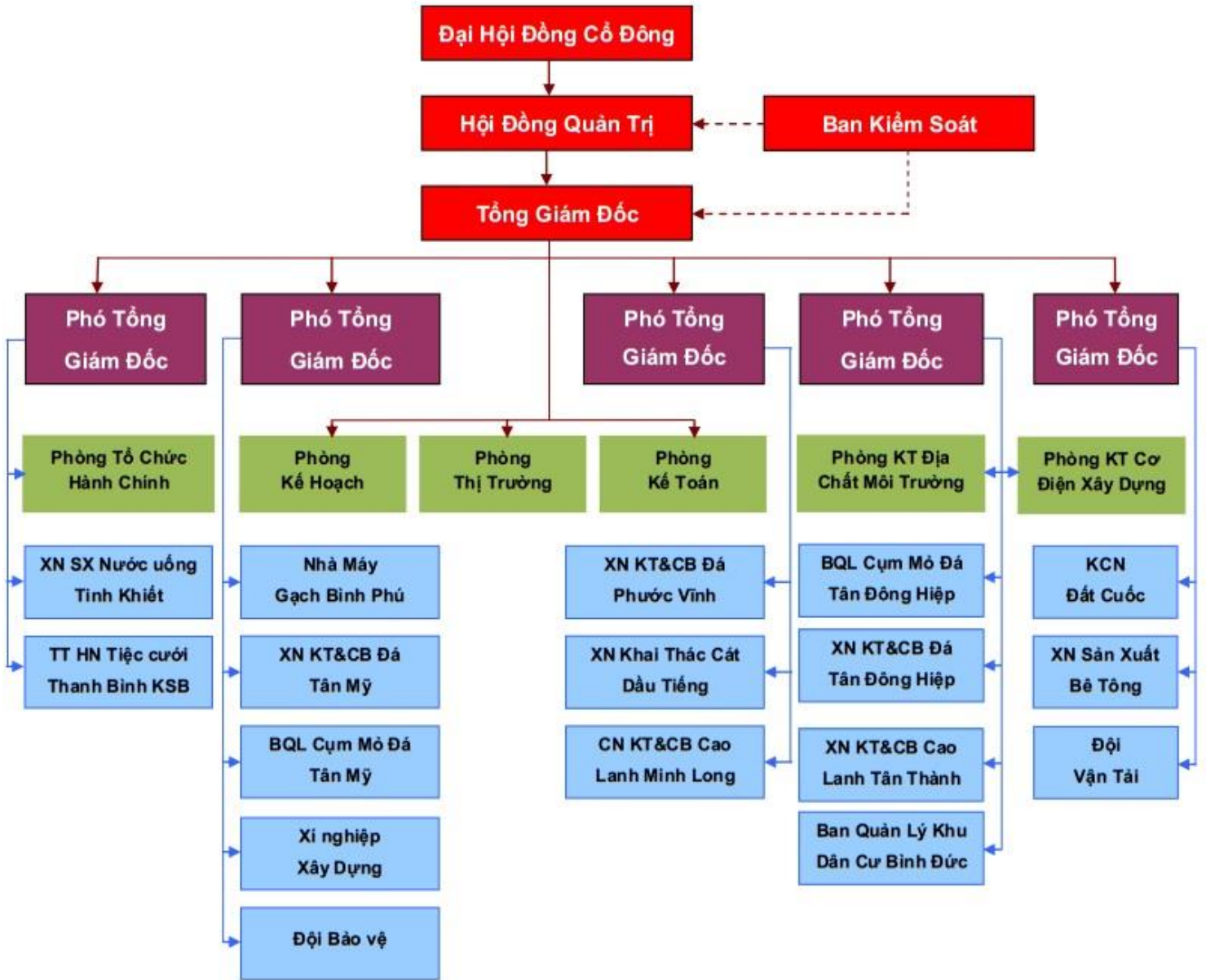
Mô hình quản trị

Công ty hoạt động và quản trị theo mô hình công ty cổ phần với cơ cấu như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ họp mỗi năm ít nhất 1 lần nhằm quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty Quy định.
- **Hội đồng quản trị (HĐQT):** Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hiện tại HĐQT của công ty có 05 người.
- **Ban Kiểm soát:** Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.
- **Ban Tổng giám đốc:** Bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng điều hành hoạt động của Công ty. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.



Cơ cấu bộ máy quản lý



Công ty con và công ty liên kết

Không có

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Khai thác, chế biến khoáng sản là ngành kinh doanh trọng yếu, chủ lực là điều kiện để tích lũy và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.
- Sản xuất vật liệu xây dựng nguyên liệu chủ yếu từ khoáng sản, bằng công nghệ hiện đại, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội .
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư phục vụ các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhu cầu của người dân.
- Khai thác các nguồn lực, tiềm năng hiện có: quỹ đất, cơ sở hạ tầng của mỏ sau cải tạo phục hồi môi trường để kinh doanh dịch vụ tạo nguồn thu mới.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Khai thác, chế biến khoáng sản là chủ lực, là cốt lõi của công ty.
- Duy trì và củng cố các mỏ hiện có, tìm kiếm phát triển mỏ mới
- Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu, môi trường...
- Đầu tư đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đem lại sự ổn định để phát triển bền vững cho công ty và đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng tốt hơn.
- Giữ vững vị thế của công ty trên thị trường:CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương sẵn sàng hợp tác với tất cả khách hàng, đối tác để cùng hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Tập trung đầu tư các lĩnh vực chính có chọn lọc phục vụ cho sản xuất kinh doanh hiện tại và mục tiêu lâu dài.
- Thực hiện đúng các qui định pháp luật đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG

Các mục tiêu đối với môi trường & xã hội

- Cùng với chính quyền địa phương ở các địa bàn nơi có tổ chức sản xuất kinh doanh thống nhất chính sách hỗ trợ cho người dân để được sự đồng tình ủng hộ như: tạo việc làm, đền bù thiệt hại hoa màu, chăm sóc sức khỏe, ngày tết, lễ...
- Đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng ở các địa phương để tạo sự đồng thuận ở các cấp chính quyền như: đường xá, cầu cống, trường học, điện, nước, ... bằng tiền và vật liệu xây dựng.
- Thực hiện nghĩa vụ xã hội bằng tiền năm 2014: 5.713.000.000 đ

Trong đó :

- Quỹ vì người nghèo của Tỉnh (UBMTTQ Tỉnh): 2.000.000.000đ
- Ủng hộ biển đảo thiêng liêng Tổ quốc: 520.000.000đ
- Nuôi dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng , hỗ trợ trẻ mồ côi, khuyết tật, chất độc màu da cam, học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ các hộ dân địa phương xung quanh các mỏ khoáng sản: 3.193.000.000đ

PHÁT TRIỂN

Rủi ro kinh tế

Một doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường như Bimico chịu ảnh hưởng trực tiếp từ quá trình vận động và thay đổi của nền kinh tế vĩ mô. Năm 2014, tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam tuy còn nhiều khó khăn nhưng đã phần nào bước vào giai đoạn ổn định và phục hồi. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cho thấy nền kinh tế đang trên đà tăng trưởng đầy triển vọng. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tổng giá trị hàng hóa quốc nội (GDP) năm 2014 tăng trưởng 5,98% so với năm 2013. Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14%, cao hơn rất nhiều so với mức 5,43% của năm trước. Do tình hình ngành bất động sản trong năm 2014 có dấu hiệu ảm đạm trở lại, đã thúc đẩy ngành xây dựng tăng trưởng 7% so với cùng kỳ năm trước. Lĩnh vực khai khoáng trong năm cũng chứng kiến bước chuyển mình của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong đó có Bimico.

Theo dự báo của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, sang năm 2015 tăng trưởng kinh tế sẽ tiếp tục xu thế phục hồi và việc đạt được mục tiêu tăng trưởng 6,2% là hoàn toàn khả thi. Tuy nhiên sự tăng trưởng kinh tế trong tương lai gần được dự báo vẫn ở mức chậm và thiếu bền vững. Vì thế bất cứ biến động nào cả nền kinh tế thế giới cũng có thể tác động trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng.

Rủi ro đặc thù

Ngành khai thác và chế biến khoáng sản chiếm hơn 85% cơ cấu tổng doanh thu của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương. Theo đánh giá của Viện giám sát nguồn thu Mỹ, chỉ số quản trị tài nguyên của Việt Nam chỉ đứng thứ 43 trên tổng số 58 quốc gia được khảo sát. Việc khả năng quản trị tài nguyên thấp dễ dẫn đến tình trạng ngành khai khoáng hoạt động thiếu hiệu quả, chưa kể đến những hệ lụy có thể gây ra cho người dân khi môi trường bị hủy hoại. Ngoài ra, bản thân ngành khai thác và chế biến khoáng sản có những rủi ro tiềm ẩn đặc thù về trữ lượng, hàm lượng khoáng, điều kiện khai thác tác động đến môi trường sống, hạ tầng kỹ thuật khu vực khai thác, môi trường đô thị; dây chuyền, quy trình sản xuất... Hoạt động công ty dễ bị ảnh hưởng nặng nề dưới tác động của các rủi ro nêu trên. Bên cạnh đó, các ngành nghề kinh doanh khác của Công ty còn mang tính nhỏ lẻ, tỷ trọng thị phần thấp, khả năng cạnh tranh trên thị trường còn yếu.

Rủi ro luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty Cổ phần, công ty chịu sự điều chỉnh bởi các quy định pháp luật về Công ty cổ phần (Luật Doanh nghiệp), chứng khoán và thị trường chứng khoán (Luật Chứng Khoán), Thuế (Thu nhập Doanh nghiệp), lĩnh vực hoạt động (Luật Khoáng sản, Luật môi trường) và các luật khác vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Trong năm 2015, việc sửa đổi và dự kiến sửa đổi nhiều Luật quan trọng như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Nhà ở góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp và tăng khả năng cạnh tranh cho các doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, việc này cũng đem đến những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp, bởi bất kì sự thay đổi nào cũng có thể ảnh hưởng đến chiến lược và chính sách của Công ty, từ đó tác động trực tiếp đến hoạt động và hiệu quả kinh doanh sản xuất.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,... cũng là những rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Tuy nhiên, để hạn chế các thiệt hại xảy ra do rủi ro này gây ra, bên cạnh việc trang bị các thiết bị an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, Công ty cũng có các lớp hướng dẫn nhân viên về nghiệp vụ cứu hộ cứu nạn phòng khi có rủi ro xảy ra.

CÁC RỦI RO





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Sản lượng sản xuất

Lĩnh vực SX/ cơ cấu sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Thực hiện 2013	TH 2014 so với KH 2014	TH 2014 so với TH 2013
I.- Khai thác, chế biến Khoáng sản						
1- Khai thác đá xây dựng	m ³	2.900.000	3.322.609	2.940.560	115%	113%
2- Chế biến đá xây dựng	m ³	2.770.000	2.989.105	2.954.886	108%	101%
3- Khai thác cao lanh	m ³	35.000	56.123	96.468	160%	58%
4- Chế biến cao lanh	tấn	23.500	15.381	18.845	65%	82%
- Chế biến bột	tấn	15.000	8.395	13.320	56%	63%
- Chế biến lọc	tấn	8.500	6.986	5.525	82%	126%
5- Khai thác cát Dầu Tiếng	m ³	98.000	90.150	86.252	92%	105%
II.- SX vật liệu xây dựng						
1- Gạch xây dựng các loại	viên	36.120.000	39.501.140	32.530.221	109%	121%
- Gạch xây dựng	viên	36.000.000	39.459.169	32.389.793	110%	122%
- Gạch Block	viên	120.000	41.971	140.428	35%	30%
2- Cống bê tông	m	40.000	54.487	16.446	136%	331%
III.- Nước tinh khiết đóng chai						
	lít	3.500.000	4.117.301	3.584.639	118%	115%
IV.- Dịch vụ vận tải						
1- Vận tải (nội bộ + bên ngoài).	tấnkm	5.000.000	5.228.284	5.346.744	105%	98%
2- Trung chuyển bến thủy (xuống hàng hóa)	m ³	120.000	137.085	120.000	114%	114%
V. Hoạt động xây dựng các công trình						
	đồng	12.000.000.000	12.163.261.850	11.219.000.000	101%	108%
VI. Bất động sản						
	ha	-	-	-	-	-

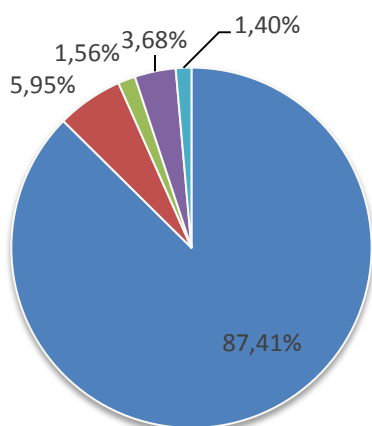
Sản lượng tiêu thụ

Nội Dung	ĐVT	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Thực hiện 2013	TH 2014 so với KH 2014	TH 2014 so với TH 2013
I- Ngành khoáng sản						
1- Đá hộc khai thác	m ³	130.000	206.136	204.455	159%	101%
2- Đá chế biến các loại	m ³	2.813.000	2.957.848	2.835.548	105%	104%
3- Khai thác cao lanh	m ³	40.000	11.598	9.166	29%	127%
4- Cao lanh chế biến	tấn	23.500	15.023	20.493	64%	73%
- Chế biến bột	tấn	15.000	8.108	12.864	54%	63%
- Chế biến lọc	tấn	8.500	6.915	7.629	81%	91%
5- Cát xây dựng	m ³	98.000	84.181	82.651	86%	102%
II- Vật liệu xây dựng						
1- Gạch xây dựng các loại	viên	36.220.000	39.526.172	35.819.166	109%	110%
- Gạch Tuynel	viên	36.000.000	39.419.822	35.792.841	109%	110%
- Gạch block	viên	220.000	106.350	26.325	48%	404%
2- Cống bê tông các loại	m	40.000	31.955	11.996	80%	266%
III- Nước tinh khiết BIMICO						
	lít	3.500.000	4.121.899	3.576.543	118%	115%
IV- Bất động sản (KCN)						
- Cho thuê đất khu CN	ha	10	1,2	-	12%	-

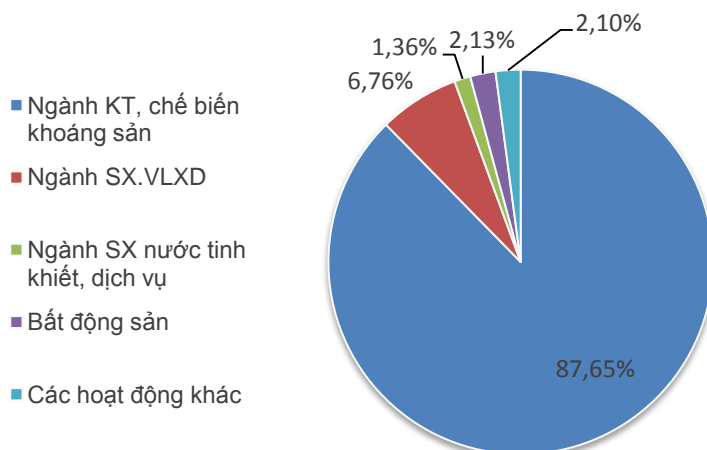
Cơ cấu doanh thu

STT	Ngành SXKD/ Cơ cấu sản phẩm	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Thực hiện 2013	So sánh %	
					KH 2014	TH 2013
1	Ngành KT, chế biến khoáng sản	492.460.000.000	558.664.307.874	479.133.544.555	113	117
2	Ngành SX.VLXD	52.300.000.000	43.085.737.807	32.602.831.015	82	132
3	Ngành SX nước tinh khiết, dịch vụ	8.540.000.000	8.656.102.422	8.525.796.597	101	102
4	Bất động sản	20.800.000.000	13.602.249.835	20.192.564.184	65	67
5	Các hoạt động khác	5.900.000.000	13.364.247.823	7.679.890.380	227	174
Tổng doanh thu		580.000.000.000	637.372.645.761	548.134.626.731	110	116

Thực hiện 2013



Thực hiện 2014



Theo cơ cấu doanh thu, ngành khai thác và chế biến khoáng sản vẫn là ngành chiếm tỷ trọng cao nhất trên tổng doanh thu của Công ty trong năm, cụ thể 87,65% ở năm 2014. Ngành sản xuất vật liệu xây dựng tăng nhẹ về tỷ trọng trong năm 2014, cụ thể 6,67% năm 2014 so với mức 5,95% của năm 2013. So sánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 với kế hoạch đề ra, trừ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và bất động sản, các ngành còn lại đều vượt chỉ tiêu kế hoạch. Thị trường bất động sản trong năm 2014 tuy đã ảm đạm lên so với giai đoạn 2012 – 2013, nhưng vẫn chỉ ở mức cầm chừng và chưa có nhiều khởi sắc

thực sự nổi bật, từ đó phần nào ảnh hưởng đến ngành sản xuất vật liệu xây dựng. Qua đó cho thấy kết quả kinh doanh hai ngành sản xuất vật liệu xây dựng và bất động sản của Bimico đã phản ánh đúng tình hình kinh tế chung. So sánh với năm 2013, hầu hết các ngành đều tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, ngoại trừ ngành bất động sản. Nhìn chung, năm 2014 được đánh giá là năm chuyển mình của các công ty vừa và nhỏ trong ngành khai khoáng, Bimico cũng đã đạt được những kết quả khả quan và đáng khích lệ, tổng doanh thu vượt 10% so với kế hoạch đề ra và tăng trưởng 16% so với năm 2013.

Tổ chức và nhân sự

Thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Trần Đình Hải	Tổng Giám đốc	35.936	0,20%
2	Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc	20.187	0,11%
3	Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc	19.430	0,11%
4	Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	3.869	0,02%
5	Nguyễn Thị Thanh Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	43.858	0,24%
6	Trần Đình Hà	Phó Tổng Giám đốc	8.158	0,01%
7	Lục Thanh Sang	Kế toán trưởng	13.710	0,08%

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

Ông Trần Đình Hải

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1956

Nơi sinh: Vũ Hạp, Hoài Ân, Thái Bình

Trình độ: Cử nhân Luật

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,2%



Ông Hoàng Văn Lộc

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1956

Nơi sinh: Kỳ Bắc, Kỳ Anh, Hà Tĩnh

Trình độ: Kỹ sư Địa chất công trình

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,11%

Ông Đặng Quang Thung

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1958

Nơi sinh: Thạch Sơn, Anh Sơn, Nghệ An

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,11%

Ông Phạm Văn Hiệp

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1962

Nơi sinh: Lại Hưng, Bến Cát, Bình Dương

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,02%

Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1964

Nơi sinh: An Sơn, Thuận An, Bình Dương

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,24%

Ông Trần Đình Hà

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975

Nơi sinh: Vũ Hạp, Vũ Thư, Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,01%

Ông Lục Thanh Sang

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1960

Nơi sinh: Bình Dương

Trình độ: Cử nhân Kinh tế Lâm nghiệp

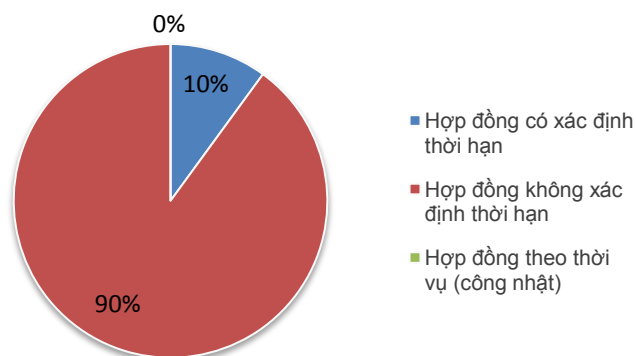
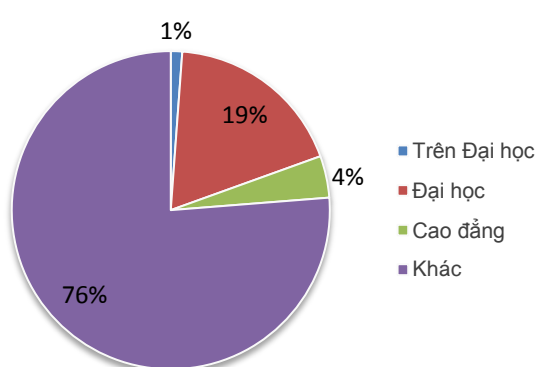
Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,08%

Thay đổi nhân sự Ban điều hành trong năm

Không có

Số lượng cán bộ nhân viên

STT	Tính chất phân loại	2014	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	518	100%
1	Trên Đại học	6	1,16%
2	Đại học	95	18,34%
3	Cao đẳng	22	4,25%
4	Khác	395	76,25%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	518	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	52	10,04%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	466	89,96%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0,00%



STT	Năm	Mức lương bình quân	Thu nhập bình quân
1	2011	5.300.000	8.200.000
2	2012	5.900.000	7.800.000
3	2013	5.800.000	8.300.000
4	2014	7.300.000	9.300.000

Chính sách dành cho người lao động

Chế độ đối với người lao động

Người lao động được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của bộ luật lao động: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, kinh phí công đoàn, bảo hộ lao động, thời gian lao động, nghỉ ngơi, ốm đau, thai sản, vệ sinh an toàn lao động, phòng chống cháy nổ... được thực hiện nghiêm chỉnh.

Các quyền lợi khác của người lao động thông qua hoạt động của công đoàn cơ sở như tiền thưởng, cưới xin, ma chay và các khoản tiền khác được thực hiện theo đúng quy chế.

Chính sách đào tạo

Công nhân trực tiếp khai thác, vận hành thiết bị máy móc đã được đào tạo và tập huấn tại các trường công nhân kỹ thuật, trung tâm đào tạo chuyên ngành, các lớp tập huấn ngắn ngày. Cán bộ quản lý được cử đi học các khóa ngắn ngày để cập nhật kiến thức nâng cao kỹ năng chuyên môn.

Tổ chức và nhân sự

Khu công nghiệp Đất Cuốc (Huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương)

Tình hình Khu công nghiệp đến 31/12/2014:

STT	Diễn giải	ĐVT	Tổng số	Trong đó	
				Khu A	Khu B
1	Tổng diện tích toàn khu:	ha	209,70	102,10	107,60
	+ Diện tích làm hạ tầng, nhà ở, dịch vụ, công viên, cây xanh.	ha	79,60	40,08	39,52
	+ Diện tích kinh doanh	ha	130,10	62,02	68,08
2	Diện tích kinh doanh đã bán	ha	62,93	42,79	20,14
3	Tỉ lệ đạt được	ha	48,37	69,00	29,58
4	Diện tích đang tồn kho	ha	67,17	19,23	47,94
5	Tổng số các nhà đầu tư trong và ngoài nước	ha	32	29	3

Đầu tư mở rộng Khu công nghiệp đến 31/12/2014:

- o Chuẩn bị đầu tư:
 - + Đã hoàn thành quy hoạch chi tiết 1/500, đang chờ phê duyệt của UBND Tỉnh.
 - + Đang triển khai lập thiết kế cơ sở, dự án đầu tư.
- o Diện tích mở rộng (khu A: 91,29 ha, khu B: 45,91 ha): 136,40 ha
 - + Đã đền bù mở rộng : 23,66 ha
 - + Diện tích công ty hiện có (XN Tân Thành) : 4,16 ha
- o Tổng diện tích sau mở rộng (khu A: 193,39 ha, Khu B: 154,09 ha): 347,48 ha
- o Chi phí thực hiện đến 31/12/2014:
 - + Đền bù đất đai (thực hiện năm 2013): 41.287.905.000 đ
 - + Chi phí tư vấn: 1.145.320.000 đ

Đầu tư nhà máy xử lý nước thải 3000m³ ngày/ đêm:

- o Diện tích đất sử dụng: 5.000m²
- o Hình thức đầu tư : EPC
- o Tổng mức đầu tư : 20.280.402.100 đ
- o Thực hiện dự án : đã thực hiện từ năm 2011 đến nay.
- o Hiện còn dở dang đến 31/12/2014 : 7.647.281.471 đ

Đầu tư Trụ sở điều hành Khu công nghiệp Đất Cuốc:

- o Diện tích đất sử dụng: 3.204 m²
- o Diện tích xây dựng : 349,36 m²
- o Mục đích sử dụng : khu làm việc, hội họp, hội nghị, xúc tiến đầu tư.
- o Quy mô: 1 trệt, 2 lầu.
- o Tổng mức đầu tư dự án: 10.944.491.000 đ
- o Tổng chi phí thực hiện: 6.544.909.409 đ
- o Trong đó: thanh toán chuyển sang năm sau: 1.646.056.357 đ

○ Thực hiện thấp hơn dự toán (10.944.491.000 – 6.544.909.409) =	4.399.581.591 đ
Doanh thu Khu công nghiệp năm 2014:	13.602.209.835 đ
○ Doanh thu chuyển nhượng cơ sở hạ tầng :	5.289.279.451 đ
○ Doanh thu duy tu sửa chữa :	2.503.459.443 đ
○ Doanh thu thuê đất hàng năm :	717.993.344 đ
○ Doanh thu xử lý nước thải :	3.476.269.600 đ
○ Doanh thu các hoạt động, dịch vụ khác :	1.615.247.997 đ

Dự án Trung tâm hội nghị - tiệc cưới Thanh Bình KSB:

Mô tả dự án:

- Địa điểm: số 5/999 đường Nguyễn Thị Minh Khai, KP Hoà Lân, phường Thuận Giao, TX Thuận An tỉnh Bình Dương.
- Diện tích đất: 13.315m²
- Quy mô: nhà hàng, 2 sân bóng mini, nhà để xe, bãi đậu xe, cây xanh, cơ sở hạ tầng.
- Sức chứa: 140 bàn tiệc
- Tổng mức đầu tư : 39.116.968.733đ
- Thời gian hoàn vốn : 10 năm 6 tháng.

Thực hiện dự án:

- Tổng đầu tư thực tế đến 31/12/2014: 36.357.130.915 đ
- Trong đó: thanh toán dở dang chuyển năm sau 8.648.635.316 đ
- Thực hiện thấp hơn dự toán (39.116.968.733 – 36.357.130.915) = 2.759.837.818 đ

Dự án hệ thống lắng lọc ép khung bản cao lanh

Giới thiệu dự án:

- Địa điểm: Ấp 1, xã Minh Long, H. Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
- Diện tích sử dụng: 8.378m²
- Công suất: 7.200 tấn/ năm
- Tổng mức đầu tư : 11.042.881.500 đ
- Thời gian hoàn vốn: 8 năm 6 tháng

Thực hiện dự án:

- Chi phí đầu tư đến 31/12/2014 9.587.918.363 đ
- Trong đó: thanh toán dở dang chuyển năm sau 3.379.762.552 đ
- Thực hiện thấp hơn dự toán (11.042.881.500 – 9.587.918.363) = 1.454.963.137 đ

Dự án khu nhà ở cao cấp Bình Đức Tiến

Giới thiệu dự án:

- Địa điểm : Khu phố Bình Đức, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, Bình Dương.
- Diện tích sử dụng: 26.716,66 m²
- Đất xây dựng biệt thự: 16.458 m²
- Số lượng căn hộ (đơn lập: 12 căn, song lập: 56 căn): 68 căn

- Đang chờ phê duyệt quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư.

Thực hiện dự án:

- Đang thực hiện san lấp nền và làm hàng rào.

○ Chi phí đầu tư đến 31/12/2014 : 4.256.441.517 đ

Trong đó: thanh toán dở dang chuyển năm sau: 3.931.801.981 đ

Tổng hợp dự án đầu tư năm 2014

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Thực hiện 2014	Thực hiện dở dang
	Khu công nghiệp	31.224.893.100	6.544.909.409	9.293.337.828
1	+ Nhà máy xử lý nước thải	20.280.402.100	-	7.647.281.471
	+ Trung tâm điều hành KCN	10.944.491.000	6.544.909.409	1.646.056.357
2	Trung tâm Hội nghị tiệc cưới	39.116.968.733	36.357.130.915	8.648.635.316
3	Hệ thống lắng lọc khung bản cao lanh	11.042.881.500	9.587.918.363	3.379.762.552
4	Khu nhà ở cao cấp Bình Đức Tiến	4.256.441.517	4.256.441.517	3.931.801.981
	Tổng cộng	85.641.184.850	56.746.400.204	25.253.537.677

- Ba dự án đầu (trừ nhà máy xử lý nước thải): đã hoàn thành và đưa vào sử dụng tháng 12/2014, chí phí đầu tư thực tế thực hiện thấp hơn so với tổng vốn đầu tư.
- Đang hoàn thiện hoàn công và quyết toán các dự án.

Hoạt động đầu tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Ngành khai thác chế biến khoáng sản: 8.104.938.307 đ

(Lắp đặt trạm biến áp, máy bơm nước, hệ thống bơm cát, đền bù đất khai thác mỏ)

Ngành sản xuất vật liệu xây dựng : 1.601.598.295 đ

(Lắp đặt cầu xe chở cống, khuôn cống, máy ép than tự động, mở rộng kho...)

Khu công nghiệp Đất Cuốc : 587.196.974 đ

(Đường dây và trạm biến áp điện)

Tổng cộng 10.293.733.576 đ

Các hoạt động về đầu tư thực hiện theo kế hoạch năm 2014 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tổ chức quản lý hoạt động đầu tư theo đúng quy định pháp luật đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và đưa vào sử dụng đem lại hiệu quả.

Sử dụng bằng nguồn quỹ đầu tư phát triển của công ty.

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2013	2014	Tăng / giảm 2014
Tổng tài sản	690.290	780.138	13,02%
Doanh thu thuần	538.532	624.008	15,87%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	110.018	119.631	8,74%
Lợi nhuận khác	2.501	5.678	127,03%
Lợi nhuận trước thuế	112.518	125.310	11,37%
Lợi nhuận sau thuế	83.277	96.760	16,19%

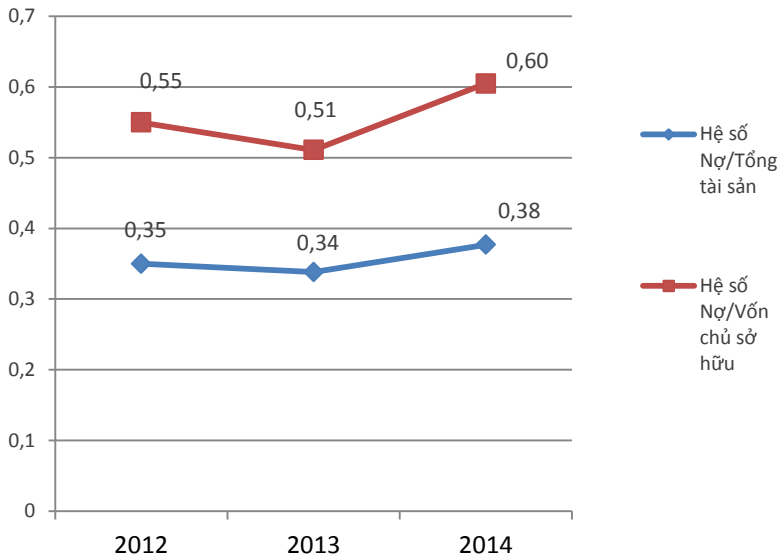
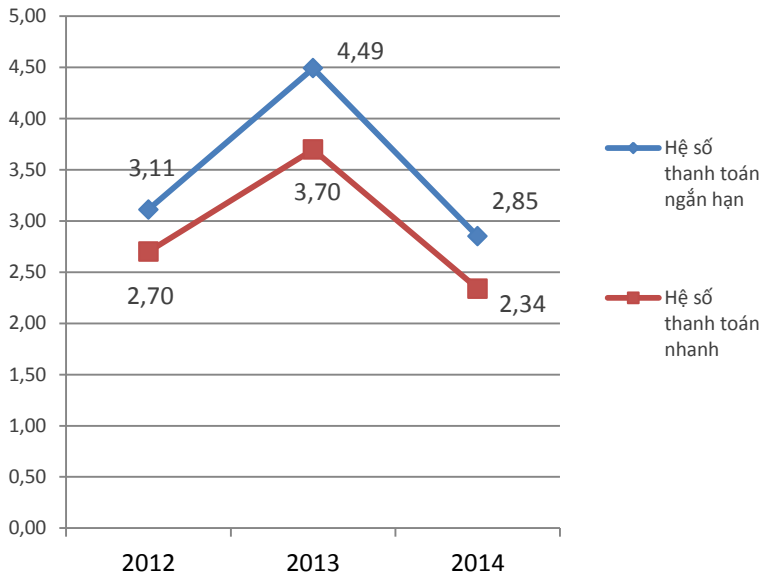
Tổng tài sản Công ty cuối năm 2014 đạt mức 780 tỷ đồng, tăng 13,02% so với năm 2013. Doanh thu thuần cũng đạt mức tăng trưởng 15,87%, đạt 624 tỷ đồng. Các chỉ tiêu khác phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khả quan khi đồng loạt tăng so với cùng kỳ năm trước, cụ thể lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 8,74%, lợi nhuận trước thuế tăng 11,37%

và lợi nhuận sau thuế tăng 16,19%. Các khoản lợi nhuận khác tuy có giá trị không quá lớn, nhưng lại đạt mức tăng trưởng ấn tượng 127,03%; nguyên nhân là do công ty trong năm nhận được nhiều từ việc thanh lý tài sản, tiền bồi thường phạt trả chậm và các khoản thu nhập khác.

Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu tài chính	2013	2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	4,49	2,85
Hệ số thanh toán nhanh	3,70	2,34
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,34	0,38
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,51	0,60
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay Hàng tồn kho	9,31	8,46
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,78	0,85
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15,46%	15,51%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	18,43%	20,52%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	12,06%	13,16%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	20,43%	19,17%





Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và lãi vay của công ty được phản ánh qua hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh. Có thể thấy hai chỉ số về thanh toán của năm 2014 đều giảm so với 2013, cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn giảm còn 2,85 và hệ số thanh toán nhanh giảm còn 2,34. Nguyên nhân là do trong năm, tài sản ngắn hạn của công ty tăng ở mức 30% nhưng các khoản nợ ngắn hạn lại tăng đến 105%; vì thế đã kéo hệ số thanh toán giảm nhiều so với năm trước. Một phần nguyên nhân cũng do ở năm 2013, nợ ngắn hạn của công ty giảm mạnh nên đã kéo hệ số thanh toán của công ty lên mức cao hơn nhiều so với bình quân các năm. Vì thế có thể kết luận, các hệ số thanh toán của công ty ở năm 2014 vẫn ở mức an toàn và chấp nhận được.

Cơ cấu vốn

Nhìn chung công ty vẫn giữ cơ cấu vốn ổn định qua các năm, không sử dụng quá nhiều nợ và chủ động về nguồn vốn. Hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng nhẹ so với năm 2013, lần lượt là 0,38 và 0,6. Sở dĩ tỷ trọng nợ tăng lên là do khoản tiền 15 tỷ công ty phải nộp đóng để được cấp quyền khai thác khoáng sản, đẩy nợ ngắn hạn tăng 105% so với năm trước. Tuy nhiên cơ cấu vốn của công ty vẫn được giữ ở mức bình quân, đúng với định hướng hoạt động của công ty.



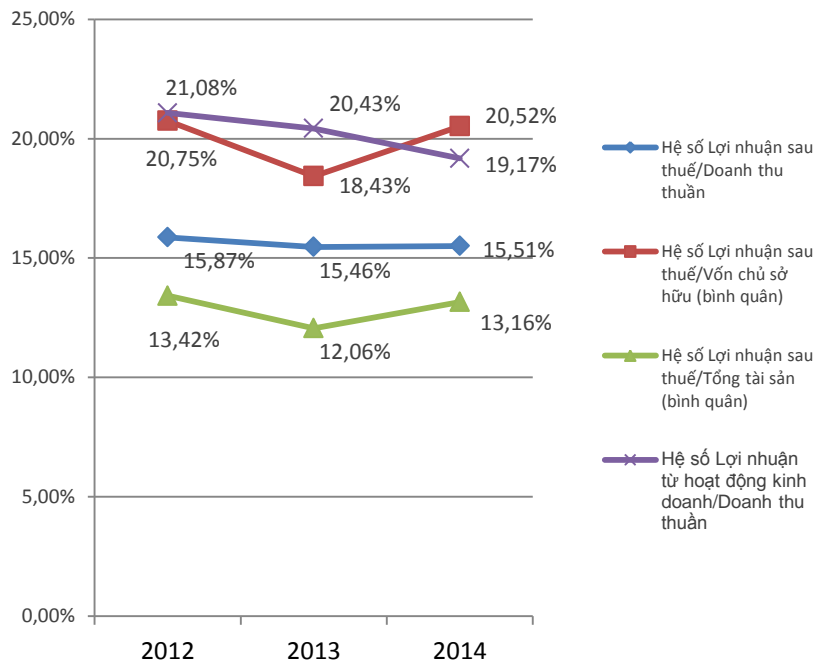
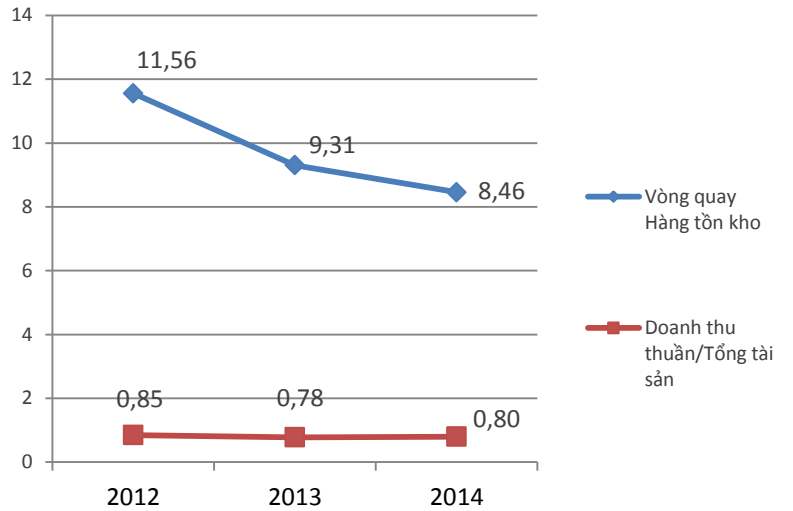
Năng lực hoạt động

Tổng kết năm 2014, tổng giá vốn hàng bán của Bimico đạt mức 404 tỷ đồng, tăng 16,71% so với năm 2013. Tuy nhiên bình quân hàng tồn kho trong năm lại tăng đến 28,45% so với cùng kỳ; do đó đã khiến cho vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ từ 9,31 xuống còn 8,46. Điều này là phù hợp với tình hình thực tế. Như đã nhận định, tình hình kinh tế năm 2014 tuy đã có dấu hiệu hồi phục nhưng vẫn chỉ ở mức chậm và chưa có nhiều đột phá. Nên việc hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn chịu ảnh hưởng điều dễ hiểu.

Đối với vòng quay tài sản, mức tăng trưởng doanh thu thuần 15,87% của năm 2014 vẫn cao hơn mức tăng 13,02% của tổng tài sản; vì thế vòng quay tài sản tăng nhẹ từ 0,78 lên 0,85. Đây được xem là tín hiệu khả quan, hứa hẹn sẽ càng được cải thiện hơn trong thời gian tới.

Khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lời của Bimico nhìn chung đều cho thấy tình hình khả quan của doanh nghiệp. Hệ số lợi nhuận biên năm 2014 đạt 15,51%, ROE 20,52%, ROA 13,16% và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần là 19,17%. Ngoại trừ hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần thì cả ba chỉ số còn lại đều tăng so với năm trước. Mức tăng tuy không nhiều nhưng cũng cho thấy tín hiệu phục hồi và khả quan.



Thông tin Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 18.000.000 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ

Tổng vốn chủ sở hữu: 180.000.000.000

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.000.000 cổ phần

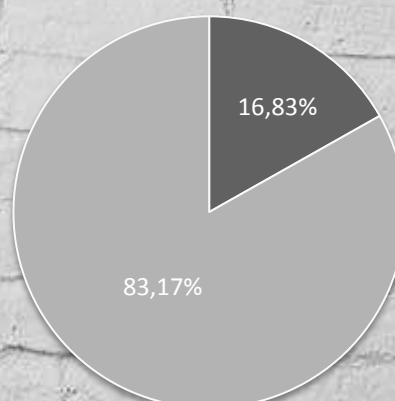
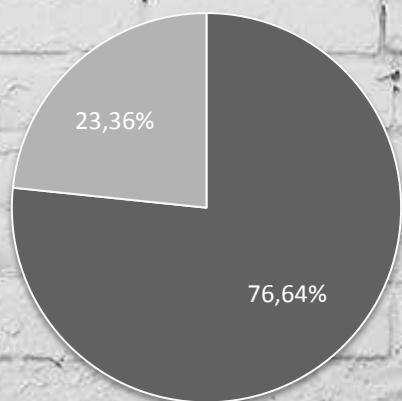
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP



CƠ CẤU

Cơ cấu cổ đông

Diễn giải	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông trong nước	492	13.794.407	76,64%
- Cá nhân	471	2.567.466	14,27%
- Tổ chức	21	11.226.941	62,37%
Cổ đông nước ngoài	38	4.205.593	23,36%
- Cá nhân	28	462.550	2,57%
- Tổ chức	10	3.743.043	20,79%
Tổng cộng	530	18.000.000	100%
- Cá nhân	499	3.030.016	16,83%
- Tổ chức	31	14.969.984	83,17%



□ Cổ đông trong nước □ Cổ đông nước ngoài

□ Cá nhân □ Tổ chức

CỔ ĐÔNG



The image features a blue-tinted background showing the silhouettes of three construction workers in the foreground. They are wearing hard hats and work clothes. In the background, a crane hook is suspended from above, and the structural framework of a building under construction is visible. The overall scene is industrial and focused on construction work.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	2013	2014	Tăng / giảm 2014
Doanh thu thuần	538.532	624.008	15,87%
Giá vốn hàng bán	346.473	404.362	16,71%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.905	1.713	-10,08%
Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	83.946	101.728	21,18%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	110.018	119.631	8,74%
Thu nhập khác	7.688	11.651	51,55%
Chi phí khác	5.187	5.973	15,15%
Lợi nhuận khác	2.501	5.678	127,03%
Lợi nhuận trước thuế	112.518	125.310	11,37%
Lợi nhuận sau thuế	83.277	96.760	16,19%
EPS	4.556	5.335	17,10%

Năm 2014, doanh thu Bimico đạt 624 tỷ đồng, tăng 15,87% so với năm 2013. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt tăng 11,37% và 16,19% so với cùng kỳ. Việc đạt được thành tích đáng khích lệ cho thấy sự ổn định trong hoạt động của doanh nghiệp cũng như khả năng thích ứng với những biến chuyển của nền kinh tế. Những thành tố đóng góp cho sự phát triển ổn định của công ty là do:

- Hội đồng quản trị thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ của mình.
- Được sự hỗ trợ, giúp đỡ của các cơ quan ban ngành địa phương và Trung Ương.
- Sự đoàn kết, phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân lao động, sự năng động, linh hoạt của Ban điều hành và bộ máy quản lý; sự phối hợp chặt chẽ giữa Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các đoàn thể, tổ chức quần chúng.

Được sự cộng tác của khách hàng truyền thống, sự chia sẻ của các cổ đông lớn giúp cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành có những giải pháp thích hợp, kịp thời từng thời điểm.

Khó khăn

Bên cạnh những thành tích đáng mừng của công ty trên các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, vẫn còn tồn tại những khó khăn nhất định, ảnh hưởng phần nào đến kết quả chung toàn Công ty.

Dự báo tình hình năm 2014 chưa phù hợp với thực tế, nhiều chỉ tiêu không hoàn thành như: bất động sản, cao lanh, khu công nghiệp,... làm ảnh hưởng đến đời sống của bộ phận người lao động và hiệu quả kinh doanh chung toàn công ty.

Các mỏ khoáng sản và thời gian hoạt động chưa bảo đảm yêu cầu ổn định lâu dài, chưa tận dụng triệt để tiết kiệm tài nguyên.

Các dự án đầu tư tiến độ thực hiện chậm, còn nhiều sai sót, quản lý các dự án chưa chuyên nghiệp.

Công nợ bị chiếm dụng, có chuyển biến tích cực, không có nợ xấu nhưng dư nợ vẫn còn cao, ảnh hưởng đến nhu cầu vốn bằng tiền ở từng thời điểm.

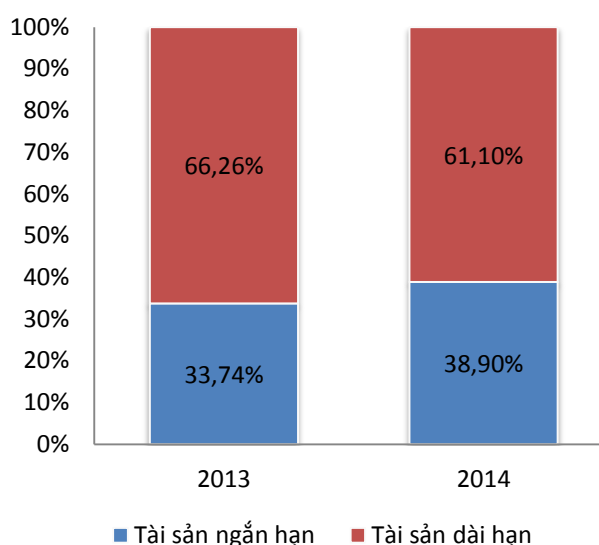
- Công tác tiếp thị còn nhiều hạn chế, chưa chuyên nghiệp, đặc biệt là đối với lĩnh vực đầu tư mới năm 2014.

Tình hình tài chính

Cơ cấu tài sản

	2013	2014	% Tăng/ Giảm
Tài sản ngắn hạn	232.881	303.472	30,31%
Tài sản dài hạn	457.409	476.666	4,21%
Tổng tài sản	690.290	780.138	13,02%

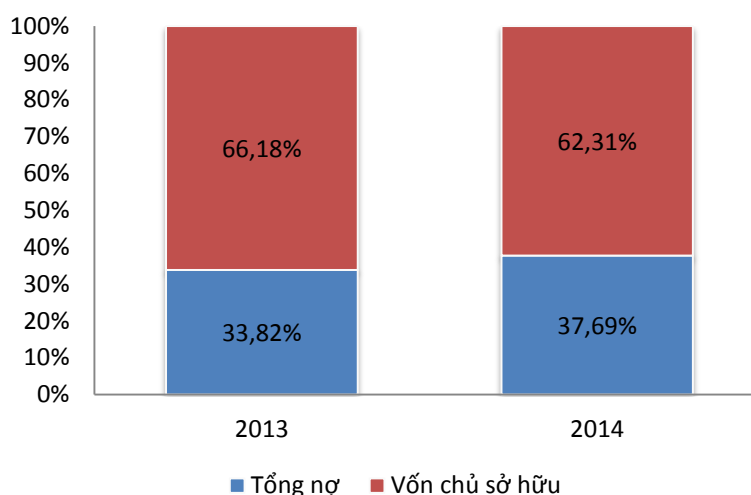
Tổng tài sản ngắn hạn trong năm tăng 30,31% so với năm 2013. Một số khoản tài khoản ngắn hạn tăng đáng kể là Tiền và các khoản tương đương tiền. Các khoản tương đương tiền trong năm thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn là 03 tháng hoặc ngắn hơn. Hàng hóa tồn kho trong năm không tăng đột biến mà tương đương với mức gia tăng của hoạt động sản xuất kinh doanh là điều tất yếu. Ở mảng tài sản dài hạn không xảy ra nhiều chuyển biến đáng kể so với năm trước. Có thể thấy, do mức tăng của tài sản dài hạn (4,21%) thấp hơn nhiều so với tài sản ngắn hạn (30,31%) đã làm giảm tỷ trọng của tài sản dài hạn trên tổng cơ cấu tài sản. Tuy nhiên cơ cấu tài sản vẫn giữ nguyên so với cùng kỳ năm trước.



Cơ cấu vốn

	2013	2014	% Tăng/ Giảm
Nợ ngắn hạn	51.857	106.503	105,38%
Nợ dài hạn	181.601	187.542	3,27%
Tổng nợ	233.458	294.045	25,95%
Vốn chủ sở hữu	456.832	486.093	6,41%
Tổng nguồn vốn	690.290	780.138	13,02%

Tổng nợ năm 2014 tăng 25,95% so với năm 2013. Tổng nợ ngắn hạn trong năm cao hơn gấp 2 lần so với năm trước do các khoản phải trả người bán, phải trả người lao động và các khoản phải nộp, phải trả khác đều tăng rất nhiều trong năm 2014. Bên cạnh đó, Bimico còn phải chịu thêm một khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hơn 15 tỷ đồng. Ngược lại, nợ dài hạn trong năm lại không có sự gia tăng đáng kể. Nhìn chung cơ cấu sử dụng vốn của Công ty không có sự thay đổi lớn so với năm 2013.



Những cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Quản lý điều hành

- Điều chỉnh và cơ cấu lại các đơn vị cơ sở phù hợp với yêu cầu thực tế theo hướng tích cực.
- Duy trì thường xuyên và có kiểm tra đánh giá hàng năm về quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO: 9001 – 2008.
- Quản trị doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế và biến động của từng thời điểm, quản lý chặt chẽ các hoạt động kinh tế và đầu tư đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, không lãng phí, hạn chế tối đa thất thoát, bảo vệ lợi ích công ty.

Chấp hành pháp luật

- Đầu tư các dự án thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch từ khâu chuẩn bị đầu tư, triển khai thực hiện, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và kiểm toán dự án hoàn thành.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến tất cả các hoạt động của công ty. Quá trình kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước đánh giá tương đối tốt, cơ bản.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bảng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và kinh doanh 2015

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Tỷ lệ
Ngành KTCB khoáng sản				
* Khai thác chế biến đá				
- Khai thác đá	m ³	3.322.608	3.450.000	104%
+ Mô đá TĐH	m ³	2.409.633	2.500.000	104%
(trong đó: dờ dang tại moong)	m ³	224.382	275.618	
+ Mô Phước Vĩnh	m ³	513.482	500.000	97%
+ Mô Tân Mỹ	m ³	399.493	450.000	113%
- Chế biến đá	m ³	2.989.104	3.065.185	103%
+ Mô đá TĐH	m ³	2.083.054	2.120.185	102%
+ Mô Phước Vĩnh	m ³	509.302	495.000	97%
+ Mô Tân Mỹ	m ³	396.748	450.000	113%
* Khai thác chế biến cao lanh				
- Khai thác:	m ³	56.123	70.000	125%
+ Mô Tân Thành, Tân Lập	m ³	46.494	35.000	75%
+ Mô Minh Long	m ³	9.629	35.000	363%
- Chế biến	tấn	15.291	22.800	149%
Chế biến lọc	tấn	6.896	13.800	200%
+ Mô Tân Thành, Tân Lập	tấn	6.816	6.800	100%
+ Mô Minh Long	tấn	80	7.000	8.750%
Chế biến nghiền (bột)	tấn	8.395	9.000	107%
+ Mô Tân Thành, Tân Lập	tấn	5.337	5.500	103%
+ Mô Minh Long	tấn	3.058	3.500	114%
* Khai thác cát				
+ Mô cát lồng hồ Dầu Tiếng	m ³	90.150	120.000	133%
+ Cát tận thu CB cao lanh	m ³		20.000	
* Khai thác sét gạch ngói (Mỏ SGN Bó Lá)				
Ngành sản xuất VLXD				
* Gạch xây dựng				
+ Gạch Tuynel	viên	39.501.140	40.120.000	102%
+ Gạch Block	viên	41.971	120.000	286%
* Bê tông đúc sẵn				
+ Ly tâm, thủ công	m	54.487	50.080	92%
+ Rung lõi	m	23.703	22.580	95%
Khu công nghiệp Đất Cuốc: (Bình quân 1 dự án thanh toán theo thoả thuận đến khi hoàn thành: 12 tháng)				
Sản xuất khác và dịch vụ				
* Nước tinh khiết	lít	4.117.301	4.000.000	97%
* Vận tải	tấn/km	5.228.284	4.000.000	77%
* Bốc dỡ bến thủy nội địa	VNĐ	508.000.000	650.000.000	128%
* Hội nghị, tiệc cưới, dịch vụ phục vụ	VNĐ		6.000.000.000	
* Thi công xây dựng các công trình	VNĐ	12.161.911.620	11.500.000.000	95%

Chỉ tiêu giá trị kinh doanh

Các chỉ tiêu về giá trị và tài chính	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015
Doanh thu hoạt động SXKD	624.008.397.938	669.000.000.000
Khai thác và chế biến khoáng sản	558.664.307.874	584.600.000.000
- Đá xây dựng	531.117.893.931	537.500.000.000
- Cao lanh	14.341.859.560	26.500.000.000
- Sét gạch ngói	-	800.000.000
- Cát	13.204.554.383	19.800.000.000
Sản xuất VLXD	43.085.737.807	53.100.000.000
- Gạch xây dựng	27.930.829.100	29.100.000.000
- Cống bê tông	15.154.908.707	24.000.000.000
Nước tinh khiết	4.399.475.185	4.300.000.000
Dịch vụ, hội nghị tiệc cưới	-	6.000.000.000
Kinh doanh bất động sản KCN Đất Cốc	13.602.249.835	16.000.000.000
Dịch vụ khác	4.256.627.237	5.000.000.000
Doanh thu tài chính và thu nhập khác	13.364.247.823	6.000.000.000
Tổng cộng	637.372.645.761	675.000.000.000

Kế hoạch phân phối lợi nhuận

Các chỉ tiêu lợi nhuận	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015
- Lợi nhuận trước thuế	125.309.897.345	132.000.000.000
- Thuế TNDN (22%)	28.324.975.407	30.000.000.000
- CP thuế TNDN hoãn lại	224.885.078	
- Lợi nhuận sau thuế	96.760.036.860	102.000.000.000
(Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ chưa thực hiện)	940.323.729	
Lợi nhuận còn lại được phân phối	95.819.713.131	102.000.000.000
- Cổ tức (25%)	45.000.000.000	45.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển (10%)	9.581.971.314	10.200.000.000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%)	11.498.365.576	15.300.000.000
- Quỹ điều hành của HĐQT + BKS	2.000.000.000	2.000.000.000
- Lợi nhuận chưa phân phối	27.739.376.241	29.500.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cp)	5.335	5.667
Tỷ suất:		
- Tỷ suất lợi nhuận		
+ Tỷ suất LN trước thuế trên DT	19,66%	19,56%
+ Tỷ suất LN sau thuế trên DT	15,18%	15,11%
- Tỷ suất LN trên vốn chủ sở hữu		
+ Tỷ suất LN trước thuế trên vốn CSH	25,78%	26,46%
+ Tỷ suất LN sau thuế trên vốn CSH	19,91%	20,45%
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
+ Tỷ suất LN trước thuế trên tổng tài sản	16,06%	16,65%
+ Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản	12,40%	12,87%

Kế hoạch nộp thuế

Các khoản thuế	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015
Nộp thuế	92.002.441.403	130.000.000.000
- Thuế GTGT	23.623.324.417	25.000.000.000
- Thuế TNDN	29.588.044.220	30.000.000.000
- Thuế tài nguyên	27.188.022.593	33.000.000.000
- Phí bảo vệ môi trường	7.573.699.510	6.000.000.000
- Các khoản thuế khác	3.060.020.663	3.000.000.000
- Tiền cấp quyền KTKS	969.330.000	33.000.000.000

Giải pháp thực hiện kế hoạch 2015

Thị trường tiêu thụ

- Duy trì các thị trường hiện có, truyền thống, thanh toán tốt đáp ứng và linh hoạt trong quá trình giao nhận các loại sản phẩm và số lượng, giá cả, tiến độ, thanh toán.
- Mở thêm các thị trường mới để tiêu thụ hết các loại sản phẩm và dịch vụ kế hoạch năm 2015: chú trọng đến các loại sản phẩm chưa có thị trường ổn định như bê tông đúc sẵn, cát XD và cao lanh nguyên khai Minh Long và các sản phẩm mới: nhà ở cao cấp, dịch vụ, hội nghị, tiệc cưới...
- Tăng cường quảng cáo tiếp thị bằng nhiều hình thức, công khai các chính sách bán hàng đối với người mua, nhà đầu tư và bảo đảm uy tín trong quá trình thực hiện.
- Tiếp thu và điều chỉnh ngay những sai sót, và khiếu nại của khách hàng với thái độ thành khẩn cầu thị, giữ vững thương hiệu, đội ngũ cán bộ làm thị trường phải nâng cao tính chuyên nghiệp.

Công tác quản lý điều hành

- Chất lượng các loại sản phẩm và hàng hoá dịch vụ phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn Iso 9001-2008 đã đăng ký và công bố.
- Tổ chức hạch toán sâu và chi tiết từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ, xác định hiệu quả từng tháng để điều chỉnh kịp thời.
- Hợp lý hoá các công đoạn sản xuất, kiểm soát chặt chẽ các hao phí, để hạ giá thành sản phẩm dịch vụ, tăng hiệu quả và năng lực cạnh tranh, khuyến khích các đơn vị đầu mối và cá nhân hoặc nhóm người lao động áp dụng những sáng kiến cải tiến kỹ thuật để năng suất tăng, chất lượng bảo đảm, giảm chi phí bằng các chính sách cụ thể.
- Quản lý chặt chẽ nợ phải thu, không có nợ xấu, mất nợ, mức dư nợ bình quân năm 2015 phải phần đầu giảm xuống dưới 90 tỷ.
- Thực hiện đúng tiến độ và chất lượng các dự án đầu tư và hoạt động đầu tư năm 2015, trình tự đầu tư phải đúng quy định pháp luật đúng mục tiêu chiến lược được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua, từng dự án và hoạt động đầu tư phải được xem xét kỹ lưỡng, và bảo đảm hiệu quả.
- Chuẩn bị đội ngũ cán bộ để thay thế Ban điều hành và tham gia HĐQT nhiệm kỳ tới.
- Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật, điều lệ hoạt động của công ty, qui chế nội quy, qui trình, qui phạm an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, xử lý và phục hồi môi trường tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ.
- Thực hiện nghĩa vụ xã hội dựa trên cơ sở hiệu quả và từng địa bàn hoạt động, có trách nhiệm với người dân và cộng đồng dân cư, từ khu phố, ấp, xã, phường, huyện, thị xã, tỉnh để tạo sự đồng thuận, ủng hộ để ổn định sản xuất lâu dài.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty



Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Hội đồng quản trị thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014. Các chỉ tiêu cơ bản về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp thuế, việc làm và thu nhập của người lao động, quyền lợi của cổ đông, đầu tư phát triển sản xuất, xử lý môi trường, thực hiện nghĩa vụ xã hội... đều được báo cáo đầy đủ và phản ánh đúng tình hình thực tế của Công ty.

Xét về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, còn một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra (khai thác chế biến khoáng sản, bán hạ tầng KCN Đất Cuốc...) như mong muốn và kỳ vọng của cổ đông, của Hội đồng quản trị, của Ban điều hành, của cán bộ công nhân lao động nhưng doanh thu, lợi nhuận, nộp thuế và lợi ích của cổ đông vẫn đạt và vượt kế hoạch, tăng so với năm 2013. Kết quả đó là đáng kể, là tích cực, là cơ bản khẳng định sự ổn định và phát triển đúng định hướng.

Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu định hướng và kế hoạch năm 2014

Khai thác chế biến khoáng sản là chủ lực, là cốt lõi để ổn định và phát triển: duy trì ổn định các mỏ hiện có, chuẩn bị xong cơ bản các điều kiện cần và đủ để mở rộng, xuống sâu, tăng thời hạn khai thác các mỏ đá Phước Vĩnh- Phú Giáo, Tân Mỹ - Bắc Tân Uyên.

Tìm kiếm và chọn lựa được một mỏ sét gạch ngói mới: Bó Lá- Phú Giáo (30 ha) có chất lượng và hoàn thành cơ bản các thủ tục pháp luật, để cấp phép năm 2015. Kế hoạch đưa diện tích 16ha để xin thăm dò cấp mốc tại xã Tam Lập – Phú Giáo (liền kề với mỏ Phước Vĩnh).

Các dự án hoàn thành năm 2013 hoạt động tốt trong năm 2014, triển khai xây dựng các dự án mới: Hệ thống lắng lọc cao lanh Minh Long, Trung tâm hội nghị tiệc cưới Thanh Bình KSB đã hoàn thành và đưa vào hoạt động từ đầu năm 2015.

Chuẩn bị theo lộ trình các dự án đầu tư kinh doanh: Khu công nghiệp Đất Cuốc mở rộng – Huyện Bắc Tân Uyên, Khu nhà ở cao cấp Bình Đức Tiến – Thị xã Thuận An.

Quyết định đầu tư bổ sung thiết bị máy móc, hạ tầng kỹ thuật và những trang bị cần thiết và bắt buộc khác phục vụ cho sản xuất kinh doanh, xử lý môi trường, phòng chống cháy nổ và các hoạt động khác.

Đánh giá hoạt động Quản lý công ty

Tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, dưới là các Xí nghiệp đơn vị trực thuộc hạch toán báo sổ, theo ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động mang tính chuyên nghiệp phù hợp với thực tế từng thời điểm.

Kiểm soát chặt chẽ quy trình kỹ thuật, quy phạm sản xuất, hệ thống định mức, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát được tất cả các hoạt động kinh tế, phát hiện, ngăn chặn, hạn chế tối đa thất thoát, lãng phí bảo vệ các lợi ích của công ty.

Duy trì, cải tiến, mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2008 bằng kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên, định kỳ.

Bảo đảm việc làm và thu nhập cho cán bộ công nhân lao động, xử lý quan hệ lao động theo quy định pháp luật. Bổ nhiệm mới, luân chuyển, điều chỉnh đội ngũ cán bộ các đơn vị đầu mối có đủ các kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ đúng quy trình và qua thực tế sàng lọc.

Tuân thủ các quy định pháp luật, pháp luật chung và pháp luật chuyên ngành đối với tất cả các hoạt động của công ty. Giám sát, kiểm tra, thanh tra thường xuyên và định kỳ của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp được đánh giá là cơ bản, không bị xử phạt.

Tình hình quan hệ cổ đông, mối quan tâm của cổ đông và cá nhân đầu tư về tình hình công ty được đáp ứng, chia cổ tức năm 2013 và tạm ứng cổ tức 2014 đầy đủ và kịp thời.

Thực hiện nghiêm túc các quy định với công ty niêm yết như báo cáo tài chính, công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, đúng thời gian quy định, rõ ràng, minh bạch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP HCM và website của công ty.

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc





Ban Tổng giám đốc là cầu nối gắn kết tập thể cán bộ công nhân viên Công ty, tất cả cùng nhau phấn đấu vì một mục đích chung là ngày càng phát triển Công ty trên mọi phương diện. Trong năm 2014, Ban Tổng giám đốc đã làm tốt vai trò của mình trong việc điều hành mọi hoạt động Công ty; kết quả đạt được trong năm là rất khả quan và đáng khích lệ. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghiêm ngặt các quy định Pháp luật đối với Công ty niêm yết về: công bố thông tin, báo cáo tài chính và các vấn đề khác theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc cũng đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, chỉ đạo triển khai, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra. Công tác báo cáo được thực hiện chính xác và kịp thời, giúp cho Hội đồng quản trị có thể nắm bắt kịp thời tình hình Công ty nhằm xây dựng những chiến lược phù hợp và hiệu quả.





Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thống nhất với dự thảo của Tổng Giám đốc về các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, nộp thuế, lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, đầu tư các dự án về khai thác chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, Khu Công Nghiệp Đất Cốc, khu nhà ở cao cấp, việc làm thu nhập cho người lao động, nghĩa vụ xã hội và các giải pháp tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra năm 2015. Những tồn tại của năm 2014 cần phải được khắc phục theo tiến độ ngay từ quý II năm 2015.

Kết quả thực hiện quý I năm 2015 là tích cực, song cần phải thực hiện ngay các giải pháp được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua để hoàn thành cao nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, linh hoạt và tranh thủ điều kiện thời tiết mùa khô cũng như những cơ hội, là năm doanh nghiệp thực hiện có chất lượng các mục tiêu ổn định lâu dài ngành khai thác chế biến khoáng sản.

Phải chủ động chuẩn bị ngay từ quý IV năm 2015 để tăng sản lượng đối với mỏ đá Phước Vĩnh, mỏ đá Tân Mỹ để cân bằng doanh thu, hiệu quả năm 2016 (Nếu mỏ đá Tân Đông Hiệp không được cấp mới bổ sung).

Bằng mọi biện pháp tích cực nhất tiết kiệm các chi phí đầu vào, giám sát chặt chẽ thực hiện các định mức tiêu hao để hạ giá thành sản phẩm dịch vụ, nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh doanh.

Tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm bằng nhiều giải pháp phù hợp thời điểm trong năm để bán hết các loại sản phẩm theo kế hoạch năm 2015.

Đầu tư xây dựng cơ bản các dự án và hoạt động đầu tư phục vụ sản xuất, kinh doanh, khảo sát nghiên cứu các dự án mới được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua cho năm kế hoạch và chiến lược dài hạn phải đúng quy định pháp luật, điều lệ công ty, phải đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

Tích cực thu hồi nợ tồn đọng, nợ phát sinh, giảm nợ bị chiếm dụng, không để nợ xấu, xem việc thu nợ là một nhiệm vụ chủ yếu năm 2015. Bảo tồn phát triển vốn và nguồn vốn chủ sở hữu.

Quản trị tốt nguồn nhân lực có kế hoạch đào tạo, huấn luyện cụ thể năm 2015 nhất là đội ngũ cán bộ, khoa học kỹ thuật, quản lý có trình độ và lao động kỹ thuật đủ điều kiện thực hiện các yêu cầu trên và vận hành có hiệu quả các dự án mới.

Hội đồng quản trị giám sát việc thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Ban điều hành công ty hàng tháng, quý, để có giải pháp kịp thời, phối hợp xử lý và điều chỉnh kịp thời.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

của HĐQT, BDH và BKS





Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do vắng mặt
1	Trần Đình Hải	Chủ tịch HĐQT	4	100%	
2	Hoàng Văn Lộc	Thành viên HĐQT	4	100%	
3	Trần Thiện Thế	Thành viên HĐQT	4	100%	
4	Trương Hữu Quyền	Thành viên HĐQT	4	100%	
5	Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên HĐQT	3	75%	Mới bổ nhiệm
6	Lê Hồng Thanh	Thành viên HĐQT	1	25%	Miễn nhiệm

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Trần Đình Hải

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1956

Nơi sinh: Vũ Hợp, Hoài Ân, Thái Bình

Trình độ: Cử nhân Luật

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,2%



Ông Hoàng Văn Lộc

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1956

Nơi sinh: Kỳ Bắc, Kỳ Anh, Hà Tĩnh

Trình độ: Kỹ sư Địa chất công trình

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,11%

Ông Trần Thiện Thế

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1963

Nơi sinh: Tân Lập Phú, Huyện Bình Long, Tỉnh Bình Phước

Trình độ: Cử nhân Tài chính kế toán

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,06%

Ông Trương Hữu Quyền

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1963

Nơi sinh: Long Bình, Đồng Nai

Trình độ: 6/12

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 1,82%

Bà Nguyễn Thị Lương Thanh

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1978

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Tín dụng

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0%



Hoạt động của hội đồng quản trị

- o Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.
- o Giám sát tình hình thực hiện các dự án đầu tư theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra trên tất cả các lĩnh vực: trung tâm nhà hàng tiệc cưới, mở rộng khu công nghiệp Đất Cuốc, hệ thống lắng lọc ép khung bản cao lanh, khu dân cư Bình Đức Tiến và các khoản đầu tư khác cho sản xuất. Các công trình đã hoàn thành được đưa ngay vào sử dụng để phát huy hiệu quả, các dự án dở dang được đôn đốc để sớm hoàn thành, nghiệm thu quyết toán đúng tiến độ.
- o Đã thực hiện cơ bản các trình tự thủ tục theo quy định để xin cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp phép và gia hạn đối với các mỏ hiện có về độ sâu và thời gian: mỏ Vĩnh Phước, mỏ Tân Mỹ.

Các tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2014/NQ-HĐQT	27/10/2014	<ul style="list-style-type: none"> • Thống nhất kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2014 • Thông qua báo cáo tình hình đầu tư các dự án: chuẩn bị đầu tư, đầu tư đã hoàn thành, đang thực hiện dở dang và phần đầu hoàn thành đúng kế hoạch đúng tiến độ để đưa vào sử dụng. • Thống nhất tập trung chỉ đạo hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu còn lại của kế hoạch năm 2014. • Thống nhất giao cho Ban điều hành có giải pháp phù hợp thực hiện dự án về khai thác và chế biến khoáng sản. • Thống nhất tạm chia cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2014 là 15% Vốn điều lệ, làm thủ tục trong tháng 12/2014 và chi trả vào tháng 01/2015.

Danh sách Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Đình Hải	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Thiện Thế	Thành viên HĐQT



Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Chu Thế Hoàng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Phạm Thanh Tùng	Thành viên BKS
3	Mai Văn Lịch	Thành viên BKS



Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát

<p>Ông Chu Thế Hoàng Trưởng BKS Năm sinh: 1981 Nơi sinh: Hải Phòng Trình độ: Kỹ sư Xây dựng Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0</p>	<p>Ông Phạm Thanh Tùng Thành viên HĐQT Năm sinh: 1969 Nơi sinh: Biên Hòa, Đồng Nai Trình độ: Kỹ sư Điện công nghiệp Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,07%</p>	<p>Ông Mai Văn Lịch Thành viên HĐQT Năm sinh: 1964 Nơi sinh: Nam Định Trình độ: Cử nhân Tài chính kế toán Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,05%</p>
---	---	---

Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát có 1 trưởng ban và 2 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Ban Kiểm soát đã theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014;
- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2014 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014 của Công ty;
- Ban kiểm soát nhận các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo tình hình nhiệm vụ, kế hoạch và các biện pháp thực hiện; đồng thời xem xét chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám đốc điều hành.



Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BĐH và BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát

Trong năm 2014, tổng thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là: **2.000.000.000 đ**

Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban điều hành

Các khoản thu nhập	Lương	Thưởng	TN khác
Giá trị các khoản thu nhập	2.171.943.000	191.584.000	955.535.000

Giao dịch của cổ đông nội bộ

Không có

Giao dịch khác

Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2013, Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty về công tác quản trị Công ty. Tháng 6/2013, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua bản "Quy chế quản trị 2013", được xem là mục tiêu, phương hướng để quản trị Công ty hiệu quả.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2014

Ý kiến của Cơ quan kiểm toán

Báo cáo tài chính và Thuyết minh Báo cáo tài chính



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +848 3910 0751
Fax: +848 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số: 354 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Ngọc

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2110-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		303.472.120.588	232.881.098.700
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	126.659.994.615	83.664.567.396
1. Tiền	111		35.331.574.513	29.778.160.021
2. Các khoản tương đương tiền	112		91.328.420.102	53.886.407.375
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.347.530.305	102.775.807.505
1. Phải thu khách hàng	131		112.334.480.223	102.027.917.784
2. Trả trước cho người bán	132		8.524.774.651	3.893.565.396
3. Các khoản phải thu khác	135		150.999.283	3.087.791.130
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6	(4.662.723.852)	(6.233.466.805)
III. Hàng tồn kho	140	7	54.490.283.280	41.151.120.966
1. Hàng tồn kho	141		54.490.283.280	41.151.120.966
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.974.312.388	5.289.602.833
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.611.057.480	1.297.021.836
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		441.516.468	372.831.432
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		406.970.840	317.610.555
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.514.767.600	3.302.139.010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+260)	200		476.665.747.942	457.409.004.580
I. Tài sản cố định	220		239.140.263.824	222.920.130.107
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	126.522.287.824	152.110.626.139
- Nguyên giá	222		287.209.572.236	284.126.996.584
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(160.687.284.412)	(132.016.370.445)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.055.216.925	1.142.955.231
- Nguyên giá	228		2.011.001.600	2.011.001.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(955.784.675)	(868.046.369)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	111.562.759.075	69.666.548.737
II. Bất động sản đầu tư	240	11	156.447.906.493	158.137.919.587
- Nguyên giá	241		179.427.019.447	177.250.751.137
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(22.979.112.954)	(19.112.831.550)
III. Tài sản dài hạn khác	260		81.077.577.625	76.350.954.886
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	71.965.562.030	68.713.383.099
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	2.303.233.713	2.528.118.791
3. Tài sản dài hạn khác	268		6.808.781.882	5.109.452.996
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		780.137.868.530	690.290.103.280

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		294.044.478.920	233.458.384.954
I. Nợ ngắn hạn	310		106.502.847.018	51.857.106.316
1. Phải trả người bán	312		25.516.177.835	14.911.581.546
2. Người mua trả tiền trước	313		1.845.215.964	6.537.240.265
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	23.296.013.939	6.875.107.853
4. Phải trả người lao động	315		12.144.134.990	4.461.014.779
5. Chi phí phải trả	316		352.001.091	395.748.091
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		30.559.687.504	9.635.019.013
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.789.615.695	9.041.394.769
II. Nợ dài hạn	330		187.541.631.902	181.601.278.638
1. Dự phòng phải trả dài hạn	337	15	25.186.467.810	23.889.375.096
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	16	162.355.164.092	157.711.903.542
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		486.093.389.610	456.831.718.326
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	486.093.389.610	456.831.718.326
1. Vốn cổ phần	411		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.000.000.000	37.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		168.873.103.898	164.082.118.241
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		33.373.280.752	28.582.295.095
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		66.847.004.960	47.167.304.990
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		780.137.868.530	690.290.103.280

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
I. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	3.345.957	2.768.425
Euro (EUR)		7



Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		624.012.435.571	538.559.978.005
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.037.633	28.330.545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	624.008.397.938	538.531.647.460
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	404.362.129.321	346.472.508.362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		219.646.268.617	192.059.139.098
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.713.475.575	1.904.891.983
7. Chi phí tài chính	22		-	2.408.775.850
8. Chi phí bán hàng	24		67.647.930.885	52.374.004.007
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.080.348.856	29.163.655.748
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		119.631.464.451	110.017.595.476
11. Thu nhập khác	31		11.650.772.248	7.688.087.288
12. Chi phí khác	32		5.972.339.354	5.187.568.649
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	5.678.432.894	2.500.518.639
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		125.309.897.345	112.518.114.115
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	28.324.975.407	29.696.974.828
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	224.885.078	(455.936.535)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		96.760.036.860	83.277.075.822
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	5.335	4.556



Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>125.309.897.345</i>	<i>112.518.114.115</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	32.405.816.619	32.812.013.996
Các khoản dự phòng	03	(1.570.742.953)	430.559.970
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(940.323.729)	(810.303.316)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(859.705.358)	(1.603.263.666)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>154.344.941.924</i>	<i>143.347.121.099</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(10.054.513.300)	19.429.500.684
Thay đổi hàng tồn kho	10	(13.339.162.314)	(7.844.573.676)
Thay đổi các khoản phải trả	11	53.258.175.088	(6.400.627.383)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(5.566.214.575)	(229.523.411)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(29.588.044.220)	(27.114.149.555)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.496.597.692)	(22.119.014.652)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>138.558.584.911</i>	<i>99.068.733.106</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(45.429.422.301)	(49.414.859.519)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.209.272.727	1.830.675.000
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	716.668.153	1.078.993.986
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(42.503.481.421)</i>	<i>(46.505.190.533)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(54.000.000.000)	(59.400.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(54.000.000.000)</i>	<i>(59.400.000.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	42.055.103.490	(6.836.457.427)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	83.664.567.396	89.690.721.507
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	940.323.729	810.303.316
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	126.659.994.615	83.664.567.396

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 4.582.110.000 đồng (năm 2013 là 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, và giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế điều chỉnh số 3700148825 ngày 09 tháng 3 năm 2012, Công ty tăng vốn điều lệ lên 180.000.000.000 đồng. Trong đó, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hiện đang sở hữu 50,05% vốn điều lệ của Công ty, các cổ đông khác nắm giữ 49,95%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 508 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 506 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mỏ; kinh doanh nhà ở; sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cầu kiện bê tông đúc sẵn; kinh doanh xăng dầu; đầu tư kinh doanh khu du lịch; nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm; khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và tài sản dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện các chi phí phát sinh để có quyền sử dụng khu đất 41.632 m² tại Xã Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Thuê tài sảnCông ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê đất tại Khu Công nghiệp Đất Cuốc tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Đất Cuốc tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng bắt đầu từ khi đưa bất động sản vào khai thác và sử dụng đến hết thời gian đầu tư của dự án vào năm 2053.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khai thác các mỏ đất, đá và chi phí cải tạo các mỏ đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ một đến ba năm. Riêng các chi phí trả trước dài hạn liên quan đến chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại mỏ đá Tân Mỹ được phân bổ theo sản lượng khai thác theo thời gian hoạt động của mỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê nhận trước nhiều năm được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn cổ phần khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn cổ phần.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Trong năm, Công ty thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12%
Quỹ đầu tư phát triển	5%
Quỹ dự phòng tài chính	5%

Riêng Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được trích trong năm 2014 là 2.000.000.000 đồng.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	579.190.575	814.603.091
Tiền gửi ngân hàng	34.752.383.938	28.963.556.930
Các khoản tương đương tiền	91.328.420.102	53.886.407.375
	<u>126.659.994.615</u>	<u>83.664.567.396</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn là 3 tháng hoặc ngắn hơn. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định 0,3%/năm đối với tiền gửi kỳ hạn bằng Đô la Mỹ và lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm đối với tiền gửi kỳ hạn bằng Việt Nam Đồng.

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	94.377.446.986	142.371.454.471	44.994.403.372	2.383.691.755	284.126.996.584
Mua trong năm	-	1.948.303.507	1.360.567.636	-	3.308.871.143
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.460.161.182	226.296.591	-	-	2.686.457.773
Thanh lý	-	(2.759.561.481)	(112.756.783)	(40.435.000)	(2.912.753.264)
Tại ngày 31/12/2014	96.837.608.168	141.786.493.088	46.242.214.225	2.343.256.755	287.209.572.236
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	31.331.521.011	67.407.752.760	31.899.202.129	1.377.894.545	132.016.370.445
Khấu hao trong năm	8.983.172.434	14.996.652.849	5.306.905.089	174.217.644	29.460.948.016
Thanh lý	-	(636.842.266)	(112.756.783)	(40.435.000)	(790.034.049)
Tại ngày 31/12/2014	40.314.693.445	81.767.563.343	37.093.350.435	1.511.677.189	160.687.284.412
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	56.522.914.723	60.018.929.745	9.148.863.790	831.579.566	126.522.287.824
Tại ngày 31/12/2013	63.045.925.975	74.963.701.711	13.095.201.243	1.005.797.210	152.110.626.139

Tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 62.494.527.874 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 29.510.504.367 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014	<u>1.807.721.600</u>	<u>203.280.000</u>	<u>2.011.001.600</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	677.027.519	191.018.850	868.046.369
Khấu hao trong năm	75.477.156	12.261.150	87.738.306
Tại ngày 31/12/2014	<u>752.504.675</u>	<u>203.280.000</u>	<u>955.784.675</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.055.216.925</u>	<u>-</u>	<u>1.055.216.925</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.130.694.081</u>	<u>12.261.150</u>	<u>1.142.955.231</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Khu Công nghiệp Đất Cuốc - Quy hoạch mở rộng	63.213.066.063	53.535.705.062
Mô cao lanh Tân Lập	1.219.545.455	1.185.000.000
Mô đá Tân Mỹ	-	645.877.769
Mô đá Phước Vĩnh	12.337.234.800	10.724.650.800
Mô sét Phước Hòa	1.300.000.000	-
Khu dịch vụ	28.082.453.357	1.594.818.837
Mô cao lanh Minh Long	2.908.532.064	-
Khác	2.501.927.336	1.980.496.269
	<u>111.562.759.075</u>	<u>69.666.548.737</u>

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	30.436.883.639	146.813.867.498	177.250.751.137
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.176.268.310	2.176.268.310
Tại ngày 31/12/2014	<u>30.436.883.639</u>	<u>148.990.135.808</u>	<u>179.427.019.447</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	6.298.012.576	12.814.818.974	19.112.831.550
Khấu hao trong năm	1.308.446.464	2.557.834.940	3.866.281.404
Tại ngày 31/12/2014	<u>7.606.459.040</u>	<u>15.372.653.914</u>	<u>22.979.112.954</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	<u>22.830.424.599</u>	<u>133.617.481.894</u>	<u>156.447.906.493</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>24.138.871.063</u>	<u>133.999.048.524</u>	<u>158.137.919.587</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Đát Cuốc tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	68.713.383.099	66.293.421.100
Tăng trong năm	17.032.309.746	18.684.999.899
Phân bổ vào chi phí trong năm	(13.780.130.815)	(4.950.598.047)
Chuyển qua chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	(11.314.439.853)
Số dư cuối năm	<u>71.965.562.030</u>	<u>68.713.383.099</u>

Trong năm, Công ty có thay đổi cách thức phân bổ đối với một số khoản chi phí trả trước dài hạn liên quan đến chi phí bóc phủ ở mỏ Tân Mỹ từ phân bổ theo sản lượng khai thác sang phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, việc thay đổi cách thức phân bổ này nhằm phản ánh hợp lý hơn tình hình khai thác thực tế mỏ Tân Mỹ. Nếu thực hiện theo cách thức phân bổ của các năm trước thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng 1.308.284.502 đồng và khoản chi phí trả trước dài hạn sẽ tăng một khoản tương ứng.

13. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	4.960.841.135	(2.888.658.879)	2.072.182.256
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.011.502.639	(555.566.104)	455.936.535
Tại ngày 31/12/2013	<u>5.972.343.774</u>	<u>(3.444.224.983)</u>	<u>2.528.118.791</u>
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(431.320.856)	206.435.778	(224.885.078)
Tại ngày 31/12/2014	<u>5.541.022.918</u>	<u>(3.237.789.205)</u>	<u>2.303.233.713</u>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ cho mục đích trình bày báo cáo tài chính:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5.541.022.918	(3.444.224.983)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(3.237.789.205)	5.972.343.774
	<u>2.303.233.713</u>	<u>2.528.118.791</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.569.992.476	4.833.061.289
Thuế tài nguyên	2.005.197.657	816.459.831
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Phí bảo vệ môi trường	569.588.075	174.908.310
Thuế giá trị gia tăng	2.082.228.949	1.050.678.423
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	15.069.006.782	-
	<u>23.296.013.939</u>	<u>6.875.107.853</u>

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí cải tạo môi trường	18.694.602.810	17.226.226.221
<i>Chi phí cải tạo môi trường - Mỏ cát Dầu Tiếng</i>	<i>41.647.027</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí cải tạo môi trường - Mỏ đá Tân Mỹ</i>	<i>2.389.335.917</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Chi phí cải tạo môi trường - Mỏ đá Tân Đông Hiệp</i>	<i>8.658.000.000</i>	<i>8.658.000.000</i>
<i>Chi phí cải tạo môi trường - Mỏ đá Phước Vĩnh</i>	<i>7.179.912.000</i>	<i>7.000.000.000</i>
<i>Chi phí cải tạo môi trường - Mỏ sét Khánh Bình</i>	<i>331.908.692</i>	<i>278.080.506</i>
<i>Chi phí cải tạo môi trường - Mỏ cao lanh Tân Lập</i>	<i>93.799.174</i>	<i>790.145.715</i>
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	6.491.865.000	6.663.148.875
	<u>25.186.467.810</u>	<u>23.889.375.096</u>

Thay đổi trong khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Chi phí cải tạo môi trường VND	Dự phòng trợ cấp mất việc làm VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	13.266.724.189	6.383.630.805
Trích trong năm	6.097.625.000	279.518.070
Sử dụng trong năm	(2.138.122.968)	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	<u>17.226.226.221</u>	<u>6.663.148.875</u>
Trích trong năm	2.512.379.804	-
Sử dụng trong năm	(1.044.003.215)	-
Hoàn nhập trong năm	-	(171.283.875)
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>18.694.602.810</u>	<u>6.491.865.000</u>

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	157.711.903.542	142.979.729.478
Tăng trong năm	13.379.699.899	26.148.931.881
Phân bổ vào doanh thu trong năm	(8.736.439.349)	(11.416.757.817)
Số dư cuối năm	<u>162.355.164.092</u>	<u>157.711.903.542</u>

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện các khoản tiền thuế và phí quản lý nhận trước từ việc cho thuê đất tại Khu Công nghiệp Đất Cốc với thời hạn thuê trung bình 47 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÀU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2014	31/12/2013
Được phép phát hành:		
Số lượng cổ phần	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	180.000.000.000	37.000.000.000	131.678.773.009	24.481.753.296	73.795.741.595	446.956.267.900
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	83.277.075.822	83.277.075.822
Trích lập vào các quỹ	-	-	4.100.541.799	4.100.541.799	(22.202.708.994)	(14.001.625.396)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(59.400.000.000)	(59.400.000.000)
Kết chuyển nguồn	-	-	28.302.803.433	-	(28.302.803.433)	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	180.000.000.000	37.000.000.000	164.082.118.241	28.582.295.095	47.167.304.990	456.831.718.326
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	96.760.036.860	96.760.036.860
Trích lập vào các quỹ	-	-	4.790.985.657	4.790.985.657	(23.080.336.890)	(13.498.365.576)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	180.000.000.000	37.000.000.000	168.873.103.898	33.373.280.752	66.847.004.960	486.093.389.610

Trong năm 2014, Công ty đã chia cổ tức đợt 2 năm 2013 là 27.000.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2013 với tỷ lệ là 15% mệnh giá và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 là 27.000.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 với tỷ lệ 15% mệnh giá.

Trong năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã tạm trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính lần lượt là 13.498.365.576 đồng, 4.790.985.657 đồng, 4.790.985.657 đồng và quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 2.000.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014. Số liệu trích các quỹ sau cùng sẽ được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt chính thức tại đại hội thường niên.

Trong năm 2014, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của Công ty là 940.323.729 đồng. Khoản tiền này không được sử dụng để chia lãi cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	598.614.238.701	510.296.619.983
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	25.394.159.237	28.235.027.477
	<u>624.008.397.938</u>	<u>538.531.647.460</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	387.700.058.310	329.655.920.087
Giá vốn cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	16.662.071.011	16.816.588.275
	<u>404.362.129.321</u>	<u>346.472.508.362</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.338.814.458	39.179.732.724
Chi phí nhân công	69.331.667.815	51.667.961.467
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.405.816.619	31.882.963.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	282.542.183.404	248.834.099.020
Chi phí khác	80.471.926.766	56.445.411.897
	<u>506.090.409.062</u>	<u>428.010.168.117</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	773.151.846	1.094.588.667
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	940.323.729	810.303.316
	<u>1.713.475.575</u>	<u>1.904.891.983</u>

22. LỢI NHUẬN KHÁC	2014	2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản	2.209.272.727	1.950.000.000
Tiền được bồi thường, tiền phạt chậm trả	5.598.325.825	1.676.652.802
Các khoản thu nhập khác	3.843.173.696	4.061.434.486
Thu nhập khác	<u>11.650.772.248</u>	<u>7.688.087.288</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	2.122.719.215	1.441.325.001
Các khoản khác	3.849.620.139	3.746.243.648
Chi phí khác	5.972.339.354	5.187.568.649
Lợi nhuận khác	<u>5.678.432.894</u>	<u>2.500.518.639</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	125.309.897.345	112.518.114.115
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(940.323.729)	(2.222.264.416)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.380.314.599	8.492.049.614
Thu nhập chịu thuế	128.749.888.215	118.787.899.313
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.324.975.407	29.696.974.828

Từ năm 2014, Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cơ bản có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận sau thuế	96.760.036.860	83.277.075.822
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(940.323.729)	(810.303.316)
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	224.885.078	(455.936.535)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	96.044.598.209	82.010.835.971
Cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
Lãi trên cổ phiếu	5.335	4.556

25. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	6.590.646.178	6.624.163.613

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	4.964.599.535	4.499.498.960
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	18.682.629.546	17.653.814.021
Sau năm năm	162.864.746.663	157.965.877.853
	186.511.975.744	180.119.190.834

Các khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các khoản tiền thuê phải thu từ việc cho thuê đất tại Khu công nghiệp Đất Cuốc với thời hạn thuê trung bình 47 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty lựa chọn lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt trên hai lĩnh vực kinh doanh khoáng sản và lĩnh vực cho thuê khu công nghiệp. Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong năm như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoạt động kinh doanh khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng		
Doanh thu	598.614.238.701	520.252.172.167
Giá vốn	<u>(387.700.058.310)</u>	<u>(333.831.053.265)</u>
Lợi nhuận gộp	<u>210.914.180.391</u>	<u>186.421.118.902</u>
Hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác		
Doanh thu	25.394.159.237	18.279.475.293
Giá vốn	<u>(16.662.071.011)</u>	<u>(12.641.455.097)</u>
Lợi nhuận gộp	<u>8.732.088.226</u>	<u>5.638.020.196</u>

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó điều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.659.994.615	83.664.567.396
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.893.743.106	98.882.242.109
Tài sản dài hạn khác	6.808.781.882	5.109.452.996
Tổng cộng	241.362.519.603	187.656.262.501
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	55.289.587.554	23.034.991.615
Chi phí phải trả	352.001.091	395.748.091
Tổng cộng	55.641.588.645	23.430.739.706

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị còn lại ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Dô la Mỹ (USD)	71.519.833.440	58.372.237.119	-	-
Euro (EUR)	186.565	209.142	-	-

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.659.994.615	-	126.659.994.615
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.893.743.106	-	107.893.743.106
Tài sản dài hạn khác	-	6.808.781.882	6.808.781.882
Tổng cộng	234.553.737.721	6.808.781.882	241.362.519.603
Phải trả người bán và phải trả khác	55.289.587.554	-	55.289.587.554
Chi phí phải trả	352.001.091	-	352.001.091
Tổng cộng	55.641.588.645	-	55.641.588.645
Chênh lệch thanh khoản thuần	178.912.149.076	6.808.781.882	185.720.930.958
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.664.567.396	-	83.664.567.396
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.882.242.109	-	98.882.242.109
Tài sản dài hạn khác	-	5.109.452.996	5.109.452.996
Tổng cộng	182.546.809.505	5.109.452.996	187.656.262.501
Phải trả người bán và phải trả khác	23.034.991.615	-	23.034.991.615
Chi phí phải trả	395.748.091	-	395.748.091
Tổng cộng	23.430.739.706	-	23.430.739.706
Chênh lệch thanh khoản thuần	159.116.069.799	5.109.452.996	164.225.522.795

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Ban Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>2.835.454.000</u>	<u>2.574.193.129</u>

29. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 28 tháng 11 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 203/2013/NĐ-CP (“Nghị định 203”) quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nghị định 203 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2014. Căn cứ theo Nghị định 203, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng địa chất còn lại kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tại ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ có ban hành Công văn số 723/TTg-KTN đồng ý chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho phần trữ lượng đã khai thác trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và giao Bộ Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, việc xác định và ghi nhận giá trị quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tùy thuộc vào quyết định và hướng dẫn cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong năm, Công ty đã thực hiện tính toán và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dựa trên sản lượng khoáng sản thực tế khai thác được trong năm 2014.



Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2015





Xác nhận của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty



Trần Đình Hải